

PHẦN I: MỞ ĐẦU

A. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1. Cơ sở lí luận.

Nhận thức được tầm quan trọng của Tiếng Việt trong sự nghiệp giáo dục con người. Từ xa xưa ông cha ta đã sử dụng nó một cách tự giác nhằm để giáo dục trẻ nhỏ.

Khi chưa có nhà trường, trẻ được giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội. Từ thuở nài nôi, các em được bao bọc trong tiếng hát ru của mẹ, của bà, lớn lên chút nữa những câu chuyện kể có tác dụng to lớn, là dòng sữa ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn trẻ, rèn luyện các em thành con người có nhân cách, có bản sắc dân tộc góp phần hình thành con người mới, đáp ứng yêu cầu của xã hội đối với những thành viên của mình.

Cùng với sự phát triển của xã hội, giáo dục nhà trường xuất hiện như một điều tất yếu, đón bước thiếu nhi cấp sách tới trường. Cả thế giới đang mở trước mắt các em. Kho tàng văn minh nhân loại được chuyển giao từ những điều sơ đẳng nhất. Quá trình giáo dục được thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi, tất cả các môn học. Các môn học ở Tiểu học có tác dụng hỗ trợ cho nhau nhằm giáo dục toàn diện học sinh phải kể đến *Luyện từ và câu*, một phân môn chiếm thời lượng khá lớn trong môn Tiếng Việt ở Tiểu học. Nó tách thành một phân môn độc lập, có vị trí ngang bằng với phân môn Tập đọc, Tập làm văn...song song tồn tại với các môn học khác. Điều đó thể hiện việc cung cấp vốn từ cho học sinh là rất cần thiết và nó có thể mang tính chất cấp bách nhằm “đầu tư” cho học sinh có cơ sở hình thành ngôn ngữ cho hoạt động giao tiếp cũng như chiếm lĩnh nguồn tri thức mới trong các môn học khác. Tầm quan trọng đó đã được rèn giũa luyện tập nhuần nhuyễn trong quá trình giải quyết các dạng bài tập trong phân môn *Luyện từ và câu* lớp 4.

2. Cơ sở thực tiễn.

Việc giải quyết các dạng bài tập *Luyện từ và câu* lớp 4 có hiệu quả đặt ra cho các Giáo viên Tiểu học là một vấn đề không phải đơn giản. Qua thực tế dạy tôi đã gặp phải không ít những khó khăn. Việc hướng dẫn làm các bài tập *Luyện từ và câu* mang tính chất máy móc, không mở rộng cho học sinh nắm sâu kiến thức của bài. Về phía học sinh, làm các bài tập chỉ biết làm mà không hiểu tại sao làm như vậy, học sinh không có hứng thú trong việc giải

quyết kiên thức. Do vậy việc tổ chức cho học sinh trong các giờ giải quyết các bài tập *Luyện từ và câu* là vấn đề trăn trở cho các giáo viên và ngay bản thân tôi.

Trong quá trình dạy học cũng như việc phát hiện học sinh năng khiếu, tôi cũng như một số giáo viên khác khi dạy đến tiết *Luyện từ và câu*, đặc biệt các khái niệm về từ đơn, từ ghép, các kiểu từ ghép...bộc lộ không ít hạn chế. Về nội dung chương trình dạy phần đó trong sách giáo khoa rất ít. Chính vì vậy học sinh rất khó xác định, dẫn đến tiết học trở nên nhàm chán không thu hút học sinh vào hoạt động này. Để tháo gỡ khó khăn đó rất cần có một phương pháp tổ chức tốt nhất, có hiệu quả nhất cho tiết dạy các dạng bài tập *Luyện từ và câu* cho học sinh lớp 4.

Từ những lý do khách quan và chủ quan đã nêu trên, thông qua việc học tập, giảng dạy trong những năm qua, tôi đã chọn đề tài này để nghiên cứu sâu hơn về phương pháp tổ chức dạy các dạng bài tập *Luyện từ và câu* cho học sinh lớp 4, nhằm tìm ra được phương pháp, hình thức tổ chức thích hợp nhất, vận dụng tốt nhất trong quá trình giảng dạy của mình. Vì điều kiện, khả năng nghiên cứu có hạn tôi xin mạnh dạn trình bày kết quả nghiên cứu của mình thông qua đề tài ***“Phương pháp tổ chức dạy các dạng bài tập luyện từ và câu cho học sinh lớp 4”***.

B. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU.

Tìm hiểu tình hình học Tiếng Việt nói chung và phân môn *Luyện từ và câu* nói riêng, thực hành xác định phương pháp tổ chức dạy các dạng bài tập luyện từ và câu. Đề xuất một số biện pháp thực hiện trong khi dạy học sinh dạng bài này.

Đối tượng nghiên cứu: Học sinh lớp 4.

C. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU.

Với đề tài này mục đích nghiên cứu chính là tìm phương pháp tổ chức thích hợp nhất trong quá trình dạy các dạng bài tập *Luyện từ và câu*. Từ đó vận dụng linh hoạt vào hướng dẫn rèn kỹ năng làm các dạng bài tập *Luyện từ và câu* cho học sinh một cách hiệu quả nhất.

D. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

Để thực hiện được mục đích của đề tài đặt ra, tôi mạnh dạn nghiên cứu, học hỏi tìm tòi, áp dụng những phương pháp sau:

1. Phương pháp nghiên cứu lý luận (đọc tài liệu).

2. Phương pháp phân tích tổng hợp.
3. Phương pháp điều tra.
4. Phương pháp thực nghiệm
5. Phương pháp đàm thoại.
6. Phương pháp tổng kết, rút kinh nghiệm.

PHẦN II: NỘI DUNG

I. THỰC TRẠNG DẠY – HỌC CÁC DẠNG BÀI TẬP “LUYỆN TỪ VÀ CÂU”.

1. Đối với chương trình sách giáo khoa.

Số tiết *Luyện từ và câu* của chính sách giáo khoa lớp 4 gồm 2 tiết/tuần. Sau mỗi tiết hình thành kiến thức là một loạt các bài tập củng cố bài. Mà việc xác định phương pháp tổ chức cho một tiết dạy như vậy là hết sức cần thiết.

2. Đối với giáo viên.

Phân môn “*Luyện từ và câu*” tạo cho học sinh môi trường giao tiếp để học sinh mở rộng vốn từ có định hướng, trang bị cho học sinh các kiến thức cơ bản về Tiếng Việt gắn với các tình huống giao tiếp thường gặp. Từ đó nâng cao các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt của học sinh. Giáo viên là một trong 3 nhân tố cần được xem xét của quá trình dạy học “*Luyện từ và câu*”, là nhân tố quyết định sự thành công của quá trình dạy học này. Khi nghiên cứu quá trình dạy hướng dẫn học sinh làm các dạng bài tập “*Luyện từ và câu*” cho học sinh lớp 4, tôi thấy thực trạng của giáo viên như sau:

- Phân môn “*Luyện từ và câu*” là phần kiến thức khó trong khi hướng dẫn học sinh nắm được yêu cầu và vận dụng vào việc làm các bài tập nên dẫn đến tâm lý giáo viên ngại bởi việc vận dụng của giáo viên còn lúng túng gặp khó khăn.

- Giáo viên một số ít không chịu đầu tư thời gian cho việc nghiên cứu để khai thác kiến thức và tìm ra phương pháp phù hợp với học sinh, lệ thuộc vào đáp án, gợi ý dẫn đến học sinh ngại học phân môn này.

- Cách dạy của một số giáo viên còn đơn điệu, lệ thuộc máy móc vào sách giáo khoa, hầu như ít sáng tạo, chưa thu hút lôi cuốn học sinh.

- Nhiều giáo viên chưa quan tâm đến việc mở rộng vốn từ, phát triển vốn từ cho học sinh, giúp học sinh làm giàu vốn hiểu biết phong phú về Tiếng Việt.

3. Đối với học sinh.

Hầu hết học sinh chưa hiểu hết vị trí, tầm quan trọng, tác dụng của phân môn “*Luyện từ và câu*” nên chưa dành thời gian thích đáng để học môn này.

Học sinh không có hứng thú học phân môn này.

Nhiều học sinh chưa nắm rõ khái niệm của từ, câu...Từ đó dẫn đến việc nhận diện phân loại, xác định hướng làm bài lệch lạc. Việc xác định còn nhầm lẫn nhiều.

Học sinh chưa có thói quen phân tích dữ kiện của đầu bài, thường hay bỏ sót, làm sai hoặc không làm hết yêu cầu của đề bài.

Thực tế cho thấy nhiều học sinh khi hỏi đến lý thuyết thì trả lời rất trôi chảy, chính xác, nhưng khi làm bài tập thực hành thì lúng túng và làm bài không đạt yêu cầu. Điều đó thể hiện học sinh nắm kiến thức một cách máy móc, thụ động và tỏ ra yếu kém thiếu chắc chắn.

Do vậy ngay khi dạy tới phân từ ghép, từ láy...Tôi đã tiến hành khảo sát học sinh lớp 4A bằng bài tập sau.

Đề bài: Xác định từ ghép và từ láy trong đoạn văn sau.

“Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn. Rồi tre lớn lên cứng cáp, dẻo dai, vững chắc. Tre trông thanh cao, giản dị, chí khí như người”.

Qua khảo sát ở lớp tôi có 29 học sinh, kết quả khảo sát như sau:

Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4	13,8	7	24,1	10	34,5	8	27,6

Điều đáng nói ở đây là có tới 15 em chưa biết xác định từ ghép, từ láy, trong quá trình làm học sinh chưa biết trình bày khoa học rõ ràng, câu trả lời chưa đầy đủ.

Qua giảng dạy tôi nhận thấy kết quả chưa cao là do nguyên nhân cả hai phía: Người dạy và người học. Do vậy tôi thấy rất cần phải trau dồi kiến thức tìm ra phương pháp đổi mới trong hướng dẫn giảng dạy để khắc phục thực trạng trên để kết quả dạy học được nâng lên, thu hút sự chú ý của học sinh vào hoạt động học.

II. ĐỀ RA CÁC BIỆN PHÁP NGHIÊN CỨU, ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TỔN CHỨC DẠY CÁC DẠNG BÀI TẬP “ LUYỆN TỪ VÀ CÂU”.

A. Phương pháp nghiên cứu.

Với đặc trưng của môn “*Luyện từ và câu*” cùng các mâu thuẫn giữa yêu cầu của xã hội, nhu cầu hiểu biết của học sinh với thực trạng giảng dạy của giáo viên, việc học của học sinh trường tôi, đồng thời để củng cố nâng cao kiến thức, kỹ năng làm các bài tập “*Luyện từ và câu*” cho học sinh lớp 4. Tôi đã nghiên cứu và rút ra được nhiều kinh nghiệm thông qua các bài học trên lớp, trước hết tôi yêu cầu học sinh thực hiện theo các bước sau.

1. *Đọc thật kỹ đề bài.*

2. *Nắm chắc yêu cầu của đề bài. Phân tích mối quan hệ giữa yếu tố đã cho và yếu tố phải tìm.*

3. *Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện lần lượt từng yêu cầu của đề bài.*

4. *Kiểm tra đánh giá.*

Đặc biệt tôi cũng mạnh dạn đưa ra từng bước hướng dẫn các phương pháp rèn luyện kỹ năng làm các dạng bài tập “*Luyện từ và câu*”. Muốn học sinh làm bài một cách có hiệu quả, trước hết các em phải nắm chắc kiến thức, vì đó là bước quan trọng cho cả giáo viên và học sinh.

Mỗi một dạng bài tập cụ thể, bài tập riêng đều có một hình thức tổ chức riêng. Có thể theo nhóm, làm việc cả lớp hoặc làm việc cá nhân. Song song với các hình thức đó là phương pháp hình thành giải quyết vấn đề cho học sinh.

Muốn làm được việc đó trước tiên học sinh phải hiểu rõ đặc điểm của nội dung các chủ điểm mà phân môn “*Luyện từ và câu*” cần cung cấp.

- Qua các bài mở rộng vốn từ học sinh được:

Cung cấp thêm các từ ngữ mới theo chủ điểm hoặc nghĩa, các yếu tố hán việt; rèn luyện khả năng huy động vốn từ theo chủ điểm ; rèn luyện sử dụng từ, sử dụng thành ngữ, tục ngữ.

- Thông qua các bài tập cấu tạo của tiếng, cấu tạo của từng học sinh được:

Tìm hiểu về cấu tạo của tiếng, nhận diện được hiện tượng bắt đầu từ vần đề trong thơ, tìm hiểu phương thức tạo từ mới để phục vụ cho nhu cầu giao tiếp. Học sinh cần tìm hiểu được:

Có 2 cách để tạo từ phức:

1. Ghép những tiếng có nghĩa lại với nhau là từ ghép.
2. Phối hợp những tiếng có âm đầu hay vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau đó là từ láy.

- Thông qua các bài tập về từ loại: Học sinh được cung cấp kiến thức sơ giản về danh từ, động từ, tính từ gắn bó với các tình huống sử dụng. Cần lưu ý:

- + Tạo ra các từ ghép hoặc từ láy với tính từ đã cho.
- + Thêm vào các từ rất, quá, lắm...vào trước hoặc sau tính từ.
- + Tạo ra phép so sánh.

Thông qua các bài tập về câu, học sinh được rèn luyện năng lực sử dụng các kiểu câu tùy theo nhu cầu, lĩnh vực giao tiếp.

Ví dụ: Nhiều khi ta có thể sử dụng câu hỏi để thực hiện:

1. Thái độ khen, chê.
2. Sự khẳng định, phủ định
3. Yêu cầu, mong muốn...

- Đặc biệt rất chú trọng đến việc dạy học sinh biết giữ phép lịch sự trong giao tiếp. Cụ thể: Khi hỏi chuyện người khác cần giữ phép lịch sự.

***Câu hỏi:**

1. Cần thưa gửi, xưng hô cho phù hợp với quan hệ giữa mình với người được hỏi.
2. Cần tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác.

***Câu khiến:**

1. Khi yêu cầu, đề nghị phải giữ phép lịch sự
2. Muốn cho lời yêu cầu, được đề nghị lịch sự, cần có cách xưng hô cho phù hợp và thêm vào trước hoặc sau động từ: Làm ơn, giùm, giúp...
3. Có thể dùng câu hỏi, kiểu câu nếu yêu cầu đề nghị.

B. Phương pháp tổ chức dạy cho học sinh làm bài tập “Luyện từ và câu”.

Các kiểu hình thức và kĩ năng cần học trong phân môn “*Luyện từ và câu*” được rèn luyện thông qua nhiều bài tập với các tình huống giao tiếp tự nhiên.

a. Đối với các dạng bài tập mở rộng vốn từ.

Ví dụ: Tìm các từ ngữ:

- Thể hiện lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương đồng loại.
- Trái nghĩa với nhân hậu hoặc yêu thương.
- Thể hiện tinh thần đùm bọc, giúp đỡ đồng loại.
- Trái nghĩa với đùm bọc hoặc giúp đỡ.

Ngoài việc sử dụng hướng mẫu trong sách giáo khoa. Giáo viên yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm (4 nhóm). Mỗi nhóm một yêu cầu, sau khi đại diện nhóm trả lời cho học sinh làm việc ở lớp. Nêu ý nghĩa của các từ em tìm được. Các nhóm cùng bổ sung, giáo viên chốt lại ý kiến đúng.

Liên hệ giữa tình huống học sinh đã làm được trong cuộc sống, quá trình học tập.

b. Rèn luyện kĩ năng cấu tạo từ – dạng bài tập tìm từ ghép, từ láy.

Ví dụ: Tìm từ láy, từ ghép chứa các tiếng sau đây.

- Ngay
- Thẳng
- Thật

Đối với các dạng bài tập này tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm trong phiếu. Giáo viên có thể sử dụng phương pháp động não thu nạp rất nhiều từ, từ quá trình học sinh, mỗi nhóm hoạt động một nhiệm vụ với từ (Ngay, thẳng, thật).

Từ	Từ láy	Từ ghép
Ngay	Ngay ngáy	Ngay thẳng, ngay ngắn..
Thẳng	Thẳng thắn	Ngay thẳng, thẳng tắp...
Thật	Thật thà	Sự thật, thẳng thật...

Cùng yêu cầu của bài đã cho học sinh chọn từ để đặt câu với từ đó. Giáo viên cho học sinh làm việc cá nhân.

* Cho học sinh so sánh từ láy, từ ghép, sau đó giáo viên chốt:

Từ bao giờ cũng có nghĩa vì nó là đơn vị nhỏ nhất để đặt câu. Từ láy, từ ghép đều là từ có nghĩa. Từ láy là phối hợp những tiếng có phụ âm đầu, vần hoặc cả âm đầu và giống nhau gọi là từ láy. Từ ghép là ghép những tiếng có

nghĩa lại với nhau, đó là từ ghép. Dựa vào cấu tạo trên mà học sinh có thể xác định từ ghép và từ láy.

Giáo viên có thể lấy thêm ví dụ:

+ Từ ghép: Con mưa, nhà cửa, bông hoa...

+ Từ láy: Luộm thuộm, chăm chỉ...

c. Luyện tập các bài có dạng về tính từ, động từ, danh từ.

Trong đó chương trình sách giáo khoa cũng lựa chọn những tình huống giao tiếp gần gũi với cuộc sống gần gũi của học sinh.

Ví dụ 1: Viết họ và tên 3 bạn nam, 3 bạn nữ trong lớp em. Họ và tên các bạn ấy là danh từ chung hay danh từ riêng? vì sao?

Với bài này tôi đã gợi ý cho học sinh: Xác định tên của bạn mình, viết, ghi rõ họ, tên. Lưu ý đó là danh từ chung hay danh từ riêng.

Cho học sinh làm việc cá nhân, nêu miệng. Phần học này học sinh thường hay mắc lỗi ở tìm danh từ chung.

Tôi yêu cầu các em nêu lại danh từ chung là gì? Dùng phép “suy” để học sinh áp dụng vào bài của mình.

Ví dụ 2: Gạch dưới các động từ trong đoạn văn sau:

Yết Kiêu đến kinh đô yết kiến vua Trần Nhân Tông

Nhà vua: *Trẫm cho nhà ngươi nhận một loại binh khí*

Yết Kiêu: *Thần chỉ xin một chiếc dùi sắt*

Nhà vua: *Để làm gì ?*

Yết Kiêu: *Để dùi những chiếc thuyền của giặc vì thần có thể lặn hàng giờ dưới nước.*

Tôi đã cho học sinh làm việc theo nhóm. Học sinh trong nhóm thảo luận nêu trước lớp.

d. củng cố khắc sâu mở rộng luyện các dạng bài tập về câu.

Với dạng bài này cũng được lựa chọn với thực tiễn sinh động hàng ngày để học sinh biết đặt câu đúng, phù hợp với tình huống giao tiếp, đảm bảo lịch sự khi đặt câu.

*Chẳng hạn dạng bài **Câu kể**.

Ví dụ 1: Đặt một vài câu kể để:

a) Kể việc làm hàng ngày sau khi đi học về.

b) Tả chiếc bút em đang dùng.

c) Trình bày ý kiến của em về tình bạn.

Tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân. Kể về việc em làm...

Lưu ý học sinh khi viết hết câu phải có dấu chấm. Học sinh viết và đọc cho học sinh trong lớp nhận xét bổ sung.

Giáo viên hướng dẫn mẫu:

+ Tả kết hợp với dùng từ ngữ gợi tả, biện pháp nghệ thuật

+ Bài tỏ ý kiến – yêu mến, gắn bó như thế nào?

Ví dụ 2: Khi muốn mượn bạn cái bút, em có thể chọn những cách nói nào?

a) Cho mượn cái bút!

b) Lan ơi, cho tớ mượn cái bút!

c) Lan ơi, cậu cho tớ mượn cái bút một tí nhé.

Cho học sinh trả lời cá nhân, học sinh chọn trường hợp c, vì nó thể hiện sự lịch sự trong giao tiếp.

Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động tiếp nối. Trao đổi theo cặp, thực hành lời yêu cầu lịch sự.

2. Câu hỏi:

Đối với việc giữ lịch sự khi đặt câu hỏi, dạng bài tập cho phần này cũng rất cụ thể:

Ví dụ: So sánh các câu hỏi trong đoạn văn sau: Em thấy câu các bạn nhỏ hỏi cụ già có thích hợp hơn những câu hỏi khác không? Vì sao?

Sau một cuộc dạo chơi, đám trẻ ra về. Tiếng nói cười riu rít. Bỗng các bạn dừng lại khi thấy một cụ già đang ngồi ở vệ đường. Trông cụ thật mệt mỏi, cặp mắt lộ rõ vẻ u sầu.

- Chuyện gì đã xảy ra với ông cụ thế nhỉ? Một em trai hỏi, - Đám trẻ tiếp lời bàn tán sôi nổi:

- Chắc là cụ bị ốm?

- Hay là cụ đánh mất cái gì?

- Chúng mình thử hỏi xem đi?

Các em tới chỗ ông cụ, lễ phép hỏi:

- Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cho cụ không?

Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân. Trước hết học sinh phải xác định câu nào là câu hỏi, câu nào là câu các bạn phỏng đoán với nhau: cho học sinh so sánh.

Các câu các em hỏi nhau: - *Chuyện gì xảy ra với ông cụ thế nhỉ?*

- *Chắc là cụ bị ốm*

- *Hay cụ đánh mất cái gì?*

Câu hỏi các bạn nhỏ hỏi cụ già:

- *Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp gì cụ không?*

Hướng dẫn học sinh nhận xét về câu hỏi của các bạn nhỏ với cụ già là rất phù hợp trong trường hợp đó vì: Nếu không biết nguyên nhân của ông cụ như thế nào mà hỏi cụ bị ốm hay cụ đánh mất cái gì... sẽ làm tổn thương đến ông cụ (*chẳng may ông cụ rơi vào hoàn cảnh như vậy*). Qua bài tập này cũng cố khắc sâu cho học sinh về cần đặt những câu hỏi lịch sự, tránh những câu hỏi làm phiền lòng người khác.

Học sinh còn bỏ ngỡ trong việc phân tích các câu hỏi. Tôi đã hướng dẫn các em phải đặt nó trong văn cảnh cụ thể.

Hoạt động liên hệ: Cho học sinh đặt câu hỏi phù hợp khi gặp tình huống như trong bài tập trên ở ngoài thực tế.

Như vậy mức độ khó của bài tập không phụ thuộc vào các loại, các dạng bài tập mà phụ thuộc vào chính ngữ liệu đưa ra cho học sinh. Với các bài tập *Luyện từ và câu* của học sinh lớp 4. Nhiều yêu cầu trong sách giáo khoa tôi cũng cần phân tích cho nhiều đối tượng học sinh. Đối với học sinh khá, giỏi tôi thường gài thêm hoạt động tiếp nối. Với học sinh trung bình, học sinh yếu chọn những ngữ liệu cụ thể rõ ràng để học sinh dễ xác nhận.

Quan tâm đến đối tượng học sinh trong giảng dạy chính là chú ý đến việc nâng cao chất lượng học sinh giỏi để bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đại trà. Đó là việc làm quan trọng và không thể thiếu trong quá trình giảng dạy. Một điều tôi cũng rất quan tâm đó là việc trình bày của học sinh. Các em làm bài có thể tốt nhưng cách trình bày bố cục bài làm của học sinh còn là cả một vấn đề cần chấn chỉnh.

Trong quá trình nghiên cứu, thử nghiệm và tích cực tìm tòi phương pháp tổ chức cho học sinh làm các dạng bài tập *Luyện từ và câu*. Trải qua một thời gian ôn tập cùng thời gian áp dụng phương pháp nghiên cứu tôi đã tiến

hành khảo sát để xem sự chuyển biến của học sinh sau khi đã được hoạt động sôi nổi trong giờ *luyện từ và câu* giải quyết các bài tập với lớp 4A do tôi chủ nhiệm.

Đề bài:

Đọc thầm bài “*Về thăm bà*” và trả lời câu hỏi sau:

- 1) Trong bài “*Về thăm bà*” từ nào cùng nghĩa với từ “*hiền*”
- 2) Câu “*Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế*” có mấy động từ, tính từ?
 - a. Một động từ, 2 tính từ. Các từ đó là: - Động từ
- Tính từ
 - b. Hai động từ, 2 tính từ. Các từ đó là: - Động từ
- Tính từ
 - c. Hai động từ, 1 tính từ. Các từ đó là: - Động từ
- Tính từ
- 3) Câu “*Cháu đã về đây ư ?*” được dùng làm gì?
 - a. Dùng để hỏi.
 - b. Dùng để yêu cầu, đề nghị.
 - c. Dùng thay lời chào.
- 4) Trong câu “*Sự im lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ*” bộ phận nào là chủ ngữ?
 - a. Thanh
 - b. Sự yên lặng
 - c. Sự yên lặng làm Thanh.

Kết quả thu được: Tổng số lớp 4A có 29 em.

Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
7	24,1	10	34,5	10	34,5	2	6,9

KẾT LUẬN

I. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐẠT ĐƯỢC.

Thực hiện đề tài này, khi học sinh đã được củng cố, khắc sâu, mở rộng và rèn kỹ năng luyện tập thực hành về các dạng bài tập “*Luyện từ và câu*” lớp 4 tôi thấy kết quả của việc làm đó như sau:

- Học sinh được tổ chức hoạt động một cách độc lập, tìm tòi kiến thức, tầm nhận thức đối với mọi đối tượng học sinh là phù hợp, nên học sinh tiếp thu một cách có hiệu quả.

- Các em biết dựa vào kiến thức lý thuyết để vận dụng làm các bài tập một cách chủ động.

- Các em đã hình thành được thói quen đọc kỹ bài, xác định yêu cầu của bài. Không còn tình trạng bỏ sót yêu cầu của đề bài.

- Học sinh có ý thức rèn cách trình bày sạch sẽ, khoa học, biết dùng từ đặt câu hợp lý. Ngoài ra học sinh còn có thêm thói quen kiểm tra, soát lại bài của mình.

- Qua việc giảng dạy theo dõi kết quả của học sinh qua các giờ kiểm tra, bài kiểm tra định kỳ của học sinh tôi thấy: Học sinh sẵn sàng đón nhận môn “*Luyện từ và câu*” bất kỳ lúc nào. Đó cũng nói lên học sinh đã bắt đầu yêu thích môn học, mạnh dạn nêu ý kiến của mình.

II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM.

Dạy học các dạng bài tập “*Luyện từ và câu*” cho học sinh lớp 4 giúp học sinh nắm được kiến thức trong phân môn “*Luyện từ và câu*” cung cấp: Học sinh hiểu được từ mới, phát triển kỹ năng, kỹ xảo sử dụng từ ngữ, học sinh còn biết nhận diện xác định các dạng bài tập, phân tích kỹ, chính xác yêu cầu của đề bài, từ đó có hướng cho hoạt động học tập của mình. Để đạt được các điều đó, người giáo viên cần chú ý:

- Trong quá trình giảng dạy giáo viên không nên nóng vội, mà phải bình tĩnh trong thời gian không phải ngày 1 ngày 2. Đặc biệt luôn xem xét phương pháp giảng dạy của mình để điều chỉnh phương pháp sao cho phù hợp với việc nhận thức của học sinh, gây được hứng thú học tập cho các em.

- Không ngừng học hỏi trao đổi với đồng nghiệp để nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy và học nhằm nâng cao chất lượng. Trong giảng dạy, giáo viên không được áp đặt học sinh mà coi nhiệm vụ học của học sinh là quan

trọng, là nhân tố chủ yếu cho kết quả giáo dục. Luôn gợi mở khám phá tìm tòi biện pháp tốt nhất cho học sinh nắm chắc kiến thức. Rèn cho học sinh cách tư duy thông minh, sáng tạo, làm việc độc lập, nâng cao kết quả tự học của mình: Tạo cho học sinh có niềm vui trong học tập, có hứng thú đặc biệt trong học tập. Giáo viên luôn luôn giải quyết tình huống vướng mắc cho học sinh.

- Giáo viên phải tôn trọng nghiêm túc thực hiện giáo dục, giảng dạy theo nguyên tắc từ những điều đơn giản mới đến nâng cao, khắc sâu...Để học sinh nắm vững việc giải quyết các bài tập “*Luyện từ và câu*”, giáo viên cũng cần lưu ý điểm sau:

+ Tìm ra phương pháp tổ chức sao cho phù hợp với từng dạng bài tập.

+ Phân biệt cho học sinh hướng giải quyết cho các dạng bài khác nhau. Học sinh cần nắm được các bước tiến hành một bài tập. Cần tổ chức cho học sinh theo các hình thức tổ chức có thể theo nhóm, cá nhân, có thể làm việc cả lớp để phát huy tốt hiệu quả giờ dạy.

+ Lưu ý cho học sinh cách trình bày sạch sẽ, khoa học, rèn chữ viết đẹp đúng chính tả cho học sinh.

III. NHỮNG HẠN CHẾ:

Nếu không được giáo viên gợi mở, đề ra phương pháp tổ chức cụ thể cho từng dạng bài thì học sinh sẽ rất ngại học môn này và không hiểu bản chất của các bài tập cần khai thác cái gì?.

Các học sinh lớp 4 tầm nhận thức còn hạn chế, thời gian dành cho tiết bài tập còn ít nên việc rèn cho học sinh có kĩ năng kĩ xảo còn chưa đầy đủ và hệ thống.

IV. NHỮNG ĐỀ XUẤT.

Dạy các dạng bài tập “*Luyện từ và câu*” là nguồn cung cấp vốn từ, lối diễn đạt bồi dưỡng tư duy văn học cho học sinh. Muốn vậy:

*** Đối với học sinh:** Các em cần quan tâm, xác định được tầm quan trọng của môn này. Các em cần được động viên, khích lệ kịp thời, đúng lúc của mọi người để kích thích các em có nhiều cố gắng vươn lên trong học tập, đó chính là gia đình – nhà trường xã hội.

*** Đối với giáo viên:** Không ngừng học hỏi tìm tòi tích lũy kinh nghiệm từ đồng nghiệp, từ thông tin, sách vở và từ chính học sinh.

+ Nắm chắc nội dung chương trình, ý đồ của sách giáo khoa, dạy sát đối tượng học sinh, lựa chọn phương pháp hình thức tổ chức phù hợp với mỗi dạng bài.

+ Cần xác định không phải dạy bài khó, bài nâng cao thì học sinh mới giỏi.

+ Đặc biệt phải tâm huyết với nghề, luôn đặt học sinh là trung tâm, có trách nhiệm với việc học của học sinh và bài dạy của mình. Động viên gần gũi giúp đỡ học sinh.

* **Đối với nhà trường và các cấp quản lý:** Nhà trường cần tạo điều kiện cơ sở vật chất để giáo viên và học sinh có thể học tập nâng cao kiến thức.

+ Tạo điều kiện để giáo viên nâng cao tay nghề qua việc cung cấp các loại sách tham khảo, trang thiết bị phục vụ bộ môn.

+ Động viên khuyến khích kịp thời những giáo viên, học sinh đạt nhiều thành tích cao trong giảng dạy và học tập.

+ Quan tâm xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Rất mong sự góp ý của các đồng nghiệp để chúng ta có hướng giải quyết tiếp theo cho việc nâng cao chất lượng dạy và học phân môn “*Luyện từ và câu*” nói riêng và phân môn Tiếng Việt nói chung, góp phần giáo dục học sinh trở thành con người phát triển toàn diện.

Xin chân thành cảm ơn!